

**VĂN BẢN HỢP NHẤT****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THÔNG TƯ****Hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14/11/2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25/11/2014 (sau đây gọi chung là Luật Thi hành án dân sự);

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 24/01/2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự;

Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định:<sup>1</sup>

**Chương I****QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1.<sup>2</sup> Phạm vi điều chỉnh:

---

<sup>1</sup> Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Luật Thi hành án dân sự ngày 14/11/2008 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự ngày 25/11/2014 (sau đây gọi chung là Luật Thi hành án dân sự);

Căn cứ Luật Thống kê ngày 17/6/2003;

Căn cứ Luật Tổ tụng hành chính ngày 24/01/2010;

Căn cứ Nghị định số 22/2013/NĐ-CP ngày 13/3/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp”.

<sup>2</sup> Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

Thông tư này hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, đơn đốc thi hành án hành chính (sau đây gọi chung là thi hành án dân sự); sử dụng và công bố thông tin; tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Tổng cục Thi hành án dân sự;
- b) Cục Thi hành án dân sự tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- c) Chi cục Thi hành án dân sự quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;
- d) Chấp hành viên và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự;
- đ) Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;
- e) Phòng Thi hành án quân khu, quân chủng và tương đương (sau đây gọi tắt là Phòng Thi hành án cấp quân khu);
- g) Chấp hành viên và cán bộ, công chức làm công tác thi hành án dân sự trong quân đội;
- h) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật.

**Điều 2. Hệ thống Biểu mẫu**

Hệ thống biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự ban hành kèm theo Thông tư này bao gồm:

1. Danh mục biểu mẫu và phân cấp thực hiện.
2. Các biểu mẫu thống kê thi hành án dân sự:
  - a) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chủ động thi hành án;
  - b)<sup>3</sup> Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo yêu cầu thi hành án;
  - c) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chủ động thi hành án;
  - d)<sup>4</sup> Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo yêu cầu thi hành án;
  - đ) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo tổ chức, cá nhân được thi hành án;
  - e) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên;
  - g) Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên;

---

<sup>3</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

<sup>4</sup> Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

- h) Kết quả đề nghị xét miễn, giảm thi hành án dân sự;
- i) Số việc và số tiền trong các bản án, quyết định Tòa án tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã yêu cầu giải thích, kiến nghị và kết quả trả lời của Tòa án hoặc người có thẩm quyền;
- k) Số việc cưỡng chế thi hành án không huy động lực lượng và có huy động lực lượng;
- l) Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự;
- m) Tố cáo và giải quyết tố cáo trong thi hành án dân sự;
- n) Kết quả thực hiện chỉ tiêu biên chế và cơ cấu công chức của cơ quan Thi hành án dân sự;
- p) Trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự;
- q) Số cuộc giám sát và kết quả thực hiện kết luận giám sát;
- r) Số cuộc kiểm sát và kết quả kiểm sát;
- s) Số việc, số tiền bản án, quyết định có kháng nghị và xử lý kháng nghị của Tòa án và Viện Kiểm sát;
- t) Số việc, số tiền bồi thường của Nhà nước trong thi hành án dân sự;
- u) Số việc đôn đốc thi hành án hành chính.

### **Điều 3. Cơ quan nhận báo cáo thống kê thi hành án dân sự và trình tự báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

1. Cơ quan nhận báo cáo thống kê thi hành án dân sự:
  - a) Chi cục Thi hành án dân sự;
  - b) Cục Thi hành án dân sự;
  - c) Tổng cục Thi hành án dân sự;
  - d) Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cùng cấp;
  - đ) Phòng Thi hành án quân khu, quân chủng và tương đương (sau đây gọi tắt là cấp quân khu);
  - e) Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng;
  - g) Tư lệnh cấp quân khu;
  - h) Cơ quan thống kê cùng cấp.
2. Trình tự báo cáo thống kê thi hành án dân sự:
  - a) Chấp hành viên báo cáo thống kê thi hành án dân sự cho đơn vị nơi Chấp hành viên công tác;
  - b) Chi cục Thi hành án dân sự báo cáo thống kê cho Cục Thi hành án dân sự, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan thống kê cùng cấp;

c) Cục Thi hành án dân sự cấp tỉnh báo cáo Thống kê cho Tổng cục Thi hành án dân sự và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cơ quan thống kê cùng cấp;

d) Chấp hành viên Thi hành án dân sự trong quân đội báo cáo thống kê cho Phòng thi hành án cấp quân khu nơi Chấp hành viên công tác;

đ) Phòng Thi hành án cấp quân khu báo cáo thống kê cho Tư lệnh cấp quân khu và Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng;

e) Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng báo cáo thống kê cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự);

g) Tổng cục Thi hành án dân sự tổng hợp số liệu thống kê thi hành án dân sự trong toàn quốc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tư pháp để báo cáo Chính phủ, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền khác khi có yêu cầu.

#### **Điều 4. Biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

##### **1. Báo cáo thống kê định kỳ:**

Biểu mẫu báo cáo thống kê thi hành án dân sự định kỳ bao gồm 19 biểu mẫu, được quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

##### **2. Báo cáo thống kê đột xuất:**

Báo cáo thống kê đột xuất được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền. Trường hợp cần báo cáo thống kê đột xuất nhằm thực hiện các yêu cầu về quản lý nhà nước trong thi hành án dân sự, cơ quan có yêu cầu phải yêu cầu báo cáo bằng văn bản, nêu rõ thời gian, thời hạn, nội dung báo cáo thống kê cụ thể và các yêu cầu khác (nếu có) để tổ chức, cá nhân được yêu cầu thực hiện.

#### **Điều 5. Kỳ báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

Kỳ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được tính theo ngày dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/10 của năm trước và kết thúc vào ngày cuối cùng của các tháng tương ứng với kỳ thống kê đó. Năm báo cáo thống kê thi hành án dân sự kết thúc vào ngày 30/9 năm sau. Kỳ báo cáo thống kê thi hành án dân sự bao gồm 12 kỳ: 1 tháng, 2 tháng, 3 tháng, 4 tháng, 5 tháng, 6 tháng, 7 tháng, 8 tháng, 9 tháng, 10 tháng, 11 tháng, 12 tháng.

#### **Điều 6. Giá trị pháp lý của số liệu thống kê thi hành án dân sự**

Số liệu thống kê thi hành án dân sự là một bộ phận của số liệu thống kê ngành Tư pháp. Sau khi được công bố có giá trị pháp lý, không một tổ chức, cá nhân nào được thay đổi hoặc ép buộc tổ chức, cá nhân khác công bố số liệu thống kê thi hành án dân sự sai sự thật. Số liệu thống kê thi hành án dân sự là một trong những căn cứ để thực hiện việc quản lý, điều hành công tác thi hành án dân sự.

## **Chương II**

### **NỘI DUNG THÔNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ VÀ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ BÁO CÁO THÔNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

#### **Điều 7. Phương pháp tính trong báo cáo thông kê thi hành án dân sự**

Số liệu báo cáo thông kê thi hành án dân sự được tính theo phương pháp lũy kế.

#### **Điều 8. Lập báo cáo thông kê thi hành án dân sự**

1. Kết thúc kỳ báo cáo thông kê các tổ chức, cá nhân thực hiện báo cáo thông kê phải chốt số liệu cuối kỳ, khóa sổ để lập biểu báo cáo. Kết quả của kỳ nào phải báo cáo trong kỳ đó.

2. Kết thúc năm báo cáo, Cục Thi hành án dân sự lập danh sách việc thi hành án dân sự chưa tổ chức thi hành xong chuyển sang năm sau gửi Tổng cục Thi hành án dân sự - Bộ Tư pháp để theo dõi, quản lý.

Phòng Thi hành án cấp quận khu lập danh sách việc thi hành án chưa tổ chức thi hành xong chuyển sang năm sau gửi Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng để theo dõi, quản lý.

3. Ngày lập báo cáo thông kê được tính ngay sau ngày khóa sổ. Nếu ngày lập báo cáo thông kê trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì ngày lập báo cáo thông kê là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày đó.

4. Cách thức lập báo cáo thông kê được thực hiện theo hướng dẫn tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư này.

#### **Điều 9. Hình thức báo cáo thông kê thi hành án dân sự và phương thức gửi báo cáo thông kê thi hành án dân sự**

1. Hình thức báo cáo thông kê thi hành án dân sự:

a) Báo cáo thông kê thi hành án dân sự của Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự, Phòng Thi hành án cấp quận khu được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký, họ tên của người lập biểu, chữ ký, họ tên của Cục trưởng, Chi cục trưởng và Trưởng phòng Thi hành án cấp quận khu, đóng dấu phát hành theo quy định và tệp dữ liệu điện tử gửi kèm;

b) Báo cáo thông kê thi hành án dân sự của Chấp hành viên được thể hiện bằng văn bản, có chữ ký, họ tên của người lập biểu là Chấp hành viên.

2. Phương thức gửi báo cáo thông kê thi hành án dân sự:

Báo cáo thông kê thi hành án dân sự được gửi tới nơi nhận báo cáo bằng một trong các phương thức sau:

a) Gửi bằng đường bưu điện;

b) Gửi trực tiếp.

Trường hợp cần thiết, để đảm bảo kịp thời số liệu theo yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền ngay sau khi ký phát hành, có thể gửi báo cáo thông kê qua thư điện tử hoặc Fax. Việc gửi thư điện tử, phải sử dụng hộp thư điện tử do Bộ Tư pháp cấp ([xxx@moj.gov.vn](mailto:xxx@moj.gov.vn)). Sau đó gửi bản gốc về Tổng cục Thi hành án dân sự để theo dõi, quản lý.

**Điều 10. Ngày gửi và thời hạn gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự****1. Ngày gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự:**

Ngày gửi báo cáo thống kê là ngày ghi trên dấu bưu điện, ngày Fax báo cáo, ngày gửi thư điện tử hoặc ngày nhận báo cáo nếu báo cáo gửi trực tiếp.

**2.<sup>5</sup> Thời hạn gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự:**

a) Chậm nhất trước ngày 02 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Thủ trưởng cơ quan Thi hành án dân sự nơi công tác;

b) Chậm nhất trước ngày 04 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chi cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

c) Chậm nhất trước ngày 07 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả của kỳ trước của đơn vị và của toàn tỉnh cho Tổng cục Thi hành án dân sự và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

d) Chậm nhất trước ngày 02 của kỳ báo cáo kế tiếp, Chấp hành viên thi hành án dân sự trong quân đội phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Trưởng phòng Thi hành án nơi mình công tác;

đ) Chậm nhất trước ngày 04 của kỳ báo cáo kế tiếp, Phòng Thi hành án cấp quân khu phải gửi báo cáo thống kê thi hành án dân sự kỳ trước của đơn vị mình cho Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

e) Chậm nhất trước ngày 07 của kỳ báo cáo kế tiếp, Cục Thi hành án - Bộ Quốc phòng gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án trong quân đội kỳ trước cho Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Tư pháp (Tổng cục Thi hành án dân sự) và các cơ quan nhận báo cáo thống kê theo quy định;

g) Chậm nhất trước ngày 10 của kỳ báo cáo kế tiếp, Tổng cục Thi hành án dân sự phải gửi báo cáo thống kê kết quả thi hành án của kỳ trước cho Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

**Điều 11. Chỉnh sửa số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

Khi phải chỉnh sửa số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự, đơn vị, cá nhân báo cáo thống kê phải gửi báo cáo bổ sung và giải trình rõ về việc chỉnh sửa đó và phải có chữ ký xác nhận, đóng dấu của cơ quan. Nghiêm cấm việc tự ý tẩy, xóa trong biểu mẫu báo cáo thống kê.

---

<sup>5</sup> Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

**Điều 12. Kiểm tra, thanh tra trong thống kê thi hành án dân sự****1. Kiểm tra trong thống kê thi hành án dân sự:**

Kiểm tra trong thống kê thi hành án dân sự bao gồm các nội dung sau:

- a) Việc thực hiện các quy định của pháp luật về thống kê;
- b) Việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự;
- c) Các nội dung khác liên quan đến thống kê thi hành án dân sự.

**2. Thanh tra trong thống kê thi hành án dân sự:**

Thanh tra trong thống kê thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

**Điều 13. Công bố và phổ biến thông tin thống kê thi hành án dân sự<sup>6</sup>**

1. Bộ trưởng Bộ Tư pháp công bố thông tin về số liệu thống kê thi hành án dân sự hoặc ủy quyền cho Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự thực hiện.

2. Hàng tháng, số liệu thống kê thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự được đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Cục Thi hành án dân sự; số liệu thống kê thi hành án dân sự của toàn quốc được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thi hành án dân sự.

**Điều 14. Sử dụng thông tin trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

Số liệu trong báo cáo thống kê thi hành án dân sự được sử dụng làm một trong những căn cứ khi quyết định một số vấn đề cơ bản sau:

1. Đánh giá kết quả thi hành án, tình hình tổ chức, hoạt động của các cơ quan Thi hành án dân sự, Chấp hành viên, Thẩm tra viên, Thư ký và các cán bộ, công chức khác trong các kỳ báo cáo, năm báo cáo.

2. Lập kế hoạch thi hành án và giao chỉ tiêu thực hiện nhiệm vụ tổ chức thi hành án hàng năm cho các cơ quan Thi hành án dân sự và Chấp hành viên.

3. Phân bổ biên chế; đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, điều động Chấp hành viên, Thẩm tra viên, cán bộ, công chức của cơ quan Thi hành án dân sự.

4. Tính chỉ tiêu thi đua, chỉ tiêu hoàn thành nhiệm vụ đối với cơ quan thi hành án dân sự.

5. Thực hiện chế độ tài chính trong thi hành án dân sự; xem xét quyết định việc đầu tư kinh phí xây dựng trụ sở, kho vật chứng, tài sản thi hành án; trang cấp phương tiện làm việc cho cơ quan Thi hành án dân sự địa phương.

---

<sup>6</sup> Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

6. Báo cáo Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Sử dụng vào các công việc khác nhằm mục đích quản lý, điều hành hoạt động thi hành án dân sự.

### **Chương III**

## **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 15. Trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

1. Tổng cục Thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp giúp Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

2. Cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê đối với Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự và Chi cục Thi hành án dân sự cấp huyện.

3. Chi cục Thi hành án dân sự chịu trách nhiệm thực hiện và đôn đốc, kiểm tra các Chấp hành viên trong đơn vị mình về việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

4. Cục Thi hành án Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm thực hiện và giúp Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự trong quân đội.

5. Phòng Thi hành án cấp quân khu chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự và hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự đối với Chấp hành viên do mình quản lý.

6. Chấp hành viên chịu trách nhiệm thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

7.<sup>7</sup> Ưu tiên đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông và ứng dụng phương pháp thống kê tiên tiến vào hoạt động thống kê thi hành án dân sự; xây dựng phần mềm thống kê, cơ sở dữ liệu điện tử về thống kê thi hành án dân sự.

8.<sup>8</sup> Tổng cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự bố trí công chức, viên chức chuyên trách thực hiện Chế độ thống kê thi hành án dân sự.

---

<sup>7</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

<sup>8</sup> Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

**Điều 16. Quan hệ phối hợp trong thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự**

Mối quan hệ công tác giữa Tổng cục Thi hành án dân sự với các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định của Thông tư số 08/2011/TT-BTP ngày 05/4/2011 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung về công tác thống kê của ngành Tư pháp.

**Điều 17. Khen thưởng và xử lý vi phạm**

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự được khen thưởng theo quy định hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

**Điều 18. Hiệu lực thi hành<sup>9</sup>**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 20/02/2013 và thay thế Quyết định số 02/2006/QĐ-BTP ngày 14/4/2006 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Chế độ thống kê thi hành án dân sự.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./.

**BỘ TƯ PHÁP****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 2319/VBHN-BTP

*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2015***KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG****Nguyễn Thúy Hiền**

<sup>9</sup> Điều 2 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự quy định:

*“1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015.*

*2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc cần phản ánh kịp thời về Bộ Tư pháp để nghiên cứu, giải quyết./”.*

**Phụ lục 1<sup>1</sup>**  
**HỆ THỐNG BIỂU MẪU THÔNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Số TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu biểu mẫu	Thực hiện		
			Chấp hành viên	Chi cục Thi hành án dân sự	
	1	2	3	4	5
1	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chủ động thi hành án	01/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
2	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc theo yêu cầu thi hành án	02/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
3	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chủ động thi hành án	03/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
4	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền theo yêu cầu thi hành án	04/TK-THA	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
5	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền thu cho ngân sách Nhà nước, tổ chức, cá nhân được thi hành án	05/TK-THA	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
6	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên	06/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
7	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền chia theo cơ quan Thi hành án và Chấp hành viên	07/TK-THA		12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)	12 kỳ (từ Kỳ 1 tháng tới Kỳ 12 tháng)
8	Số việc, số tiền đề nghị Tòa án xét miễn, giảm và kết quả xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự	08/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
9	Số việc, số tiền trong các bản án, quyết định Tòa án tuyên không rõ, có sai sót, cơ quan Thi hành án đã yêu cầu giải thích, kiến nghị và kết quả trả lời của Tòa án có thẩm quyền	09/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
10	Số việc cưỡng chế thi hành án	10/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng

Số TT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu biểu mẫu	Thực hiện		
			Chấp hành viên	Chi cục Thi hành án dân sự	Cục Thi hành án dân sự
	1	2	3	4	5
11	Khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong thi hành án dân sự	11/TK-THA		Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
12	Kết quả thực hiện chỉ tiêu biên chế và cơ cấu công chức của cơ quan Thi hành án dân sự	12/TK-THA		Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng
13	Trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự	13/TK-THA			Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
14	Số cuộc giám sát và kết quả thực hiện kết luận giám sát	14/TK-THA			Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
15	Số cuộc kiểm sát và kết quả thực hiện kết luận kiểm sát	15/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
16	Số việc, số tiền trong bản án, quyết định có kháng nghị và kết quả xử lý kháng nghị của Tòa án và Viện Kiểm sát	16/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
17	Số việc, số tiền bồi thường của Nhà nước trong thi hành án dân sự	17/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
18	Số việc đôn đốc thi hành án hành chính	18/TK-THA		Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 6 tháng, Kỳ 12 tháng
19		19/TK-THA		Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng	Kỳ 3 tháng, Kỳ 6 tháng, Kỳ 9 tháng, Kỳ 12 tháng

<sup>1</sup> Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

Biểu số: 01/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo: ...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC****Chủ động thi hành án**

..... tháng/năm.....

Đơn vị báo cáo:.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo:.....

.....

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:											
		Dân sự	Hình sự			Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc khác	
			Tổng số	Ma túy	Chia ra: Khác								
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
<b>I Tổng số thụ lý</b>													
1 Năm trước chuyển sang													
2 Mới thụ lý													
<b>II Ủy thác thi hành án</b>													
<b>III Cục THADS rút lên thi hành</b>													
<b>IV Tổng số phải thi hành</b>													
<b>1 Có điều kiện thi hành</b>													
1.1 Thi hành xong													
1.2 Đình chỉ thi hành án													
1.3 Đang thi hành													
1.4 Hoàn thi hành án													
1.5 Tạm đình chỉ thi hành án													
1.6 Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại													
1.7 Trường hợp khác													
<b>2 Chưa có điều kiện thi hành</b>													
<b>3 Tỷ lệ % = (Xong + đình chỉ)/ Có điều kiện * 100%</b>													

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC THỰC HIỆN AN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG**

Chỉ tiêu		Số lượng (việc)
A		1
<b>1</b>	<b>Số hoàn thi hành án (Điều 48 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm d khoản 1	
1.4	Theo điểm đ khoản 1	
1.5	Theo điểm e khoản 1	
1.6	Theo điểm g khoản 1	
<b>2</b>	<b>Số tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
<b>3</b>	<b>Trường hợp khác</b>	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
<b>4</b>	<b>Số đình chỉ thi hành án (Điều 50 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm d khoản 1	
4.4	Theo điểm đ khoản 1	
4.5	Theo điểm e khoản 1	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
<b>5</b>	<b>Số chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật Thi hành án dân sự)</b>	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHỈ CỤC TRƯỞNG)**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 02/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

## KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC

Theo yêu cầu thi hành án

..... tháng/năm.....

Đơn vị báo cáo:.....

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:											
		Dân sự	Hình sự			Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh, thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Vụ việc cạnh tranh	Việc khác
			Tổng số	Ma túy	Chia ra: Khác								
<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>I Tổng số thụ lý</b>													
1 Năm trước chuyển sang													
2 Mới thụ lý													
<b>II Ủy thác thi hành án</b>													
<b>III Cục THADS rút lên thi hành</b>													
<b>IV Tổng số phải thi hành</b>													
<b>1 Có điều kiện thi hành</b>													
1.1 Thi hành xong													
1.2 Đình chỉ thi hành án													
1.3 Đang thi hành													
1.4 Hoàn thi hành án													
1.5 Tạm đình chỉ thi hành án													
1.6 Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại													
1.7 Trường hợp khác													
<b>2 Chưa có điều kiện thi hành</b>													
<b>3 Tỷ lệ % = (Xong + đình chỉ) / Có điều kiện *100%</b>													

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU VIỆC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU**

Chỉ tiêu		Số lượng (việc)
A		1
<b>1</b>	<b>Số hoãn thi hành án (Điều 48 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm c khoản 1	
1.4	Theo điểm d khoản 1	
1.5	Theo điểm đ khoản 1	
1.6	Theo điểm e khoản 1	
1.7	Theo điểm g khoản 1	
1.8	Theo điểm h khoản 1	
<b>2</b>	<b>Số tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
<b>3</b>	<b>Trường hợp khác</b>	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
<b>4</b>	<b>Số đình chỉ thi hành án (Điều 50 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm c khoản 1	
4.4	Theo điểm d khoản 1	
4.5	Theo điểm đ khoản 1	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
4.7	Theo điểm h khoản 1	
<b>5</b>	<b>Số chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật Thi hành án dân sự)</b>	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

....., ngày... tháng... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHỊ CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 03/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo: ...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN****Chủ động thi hành án**

..... tháng/năm.....

Đơn vị báo cáo:.....

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Dân sự	Dân sự trong hình sự			Dân sự trong hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh và thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Việc khác
			Tổng số	Chia ra:								
				Ma túy	Khác							
<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I Tổng số thụ lý</b>												
1 Năm trước chuyển sang												
2 Mới thụ lý												
<b>II Ủy thác thi hành án</b>												
<b>III Cục THADS rút lên thi hành</b>												
<b>IV Tổng số phải thi hành</b>												
<b>1 Có điều kiện thi hành</b>												
1.1 Thi hành xong												
1.2 Đình chỉ thi hành án												
1.3 Giám thi hành án												
1.4 Đang thi hành												
1.5 Hoàn thi hành án												
1.6 Tạm đình chỉ thi hành án												
1.7 Tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.8 Trường hợp khác												
<b>2 Chưa có điều kiện thi hành</b>												
<b>7 Tỷ lệ % = (Xong + đình chỉ + giám)/ Có điều kiện * 100%</b>												

**Chia theo bản án quyết định:**

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CHỦ ĐỘNG**

Chỉ tiêu		Số lượng (1.000 VN đồng)
A		I
<b>1</b>	<b>Số hoãn thi hành án (Điều 48 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm d khoản 1	
1.4	Theo điểm đ khoản 1	
1.5	Theo điểm e khoản 1	
1.6	Theo điểm g khoản 1	
<b>2</b>	<b>Số tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
<b>3</b>	<b>Trường hợp khác</b>	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
<b>4</b>	<b>Số đình chỉ thi hành án (Điều 50 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm d khoản 1	
4.4	Theo điểm đ khoản 1	
4.5	Theo điểm e khoản 2	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
<b>5</b>	<b>Số chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật Thi hành án dân sự)</b>	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 04/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH BẮNG TIỀN****Theo yêu cầu thi hành án**

..... tháng/năm.....

Đơn vị báo cáo:.....

Đơn vị nhận báo cáo:.....

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo bản án, quyết định:											
		Dân sự	Hình sự		Hành chính	Hôn nhân và gia đình	Kinh doanh và thương mại	Lao động	Phá sản	Trọng tài	Vụ việc cạnh tranh	Việc khác	
			Tổng số	Ma túy									Khác
<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
<b>I</b>													
1	Tổng số thụ lý												
2	Năm trước chuyển sang												
2	Mới thụ lý												
<b>II</b>	Ủy thác thi hành án												
<b>III</b>	Cục THADS rút lên thi hành												
<b>IV</b>	Tổng số phải thi hành												
<b>1</b>	Có điều kiện thi hành												
1.1	Thi hành xong												
1.2	Đình chỉ thi hành án												
1.3	Đang thi hành												
1.4	Hoãn thi hành án												
1.5	Tạm đình chỉ thi hành án												
1.6	Tạm đình thi hành án để giải quyết khiếu nại												
1.7	Trường hợp khác												
<b>2</b>	Chưa có điều kiện thi hành												
<b>7</b>	Tỷ lệ % = (Xong + đình chỉ)/ Có điều kiện * 100%												

**PHÂN TÍCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ THEO YÊU CẦU**

Chỉ tiêu		Số lượng (1.000 VN đồng)
A		I
<b>1</b>	<b>Số hoãn thi hành án (Điều 48 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
1.1	Theo điểm a khoản 1	
1.2	Theo điểm b khoản 1	
1.3	Theo điểm c khoản 1	
1.4	Theo điểm d khoản 1	
1.5	Theo điểm đ khoản 1	
1.6	Theo điểm e khoản 1	
1.7	Theo điểm g khoản 1	
1.8	Theo điểm h khoản 1	
<b>2</b>	<b>Số tạm đình chỉ thi hành án (Điều 49 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
2.1	Theo khoản 1	
2.2	Theo khoản 2	
<b>3</b>	<b>Trường hợp khác</b>	
3.1	Đang trong thời gian tự nguyện thi hành án	
3.2	Đang trong thời gian chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền	
3.3	Đang trong thời gian chờ ý kiến Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự	
<b>4</b>	<b>Số đình chỉ thi hành án (Điều 50 Luật Thi hành án dân sự)</b>	
4.1	Theo điểm a khoản 1	
4.2	Theo điểm b khoản 1	
4.3	Theo điểm c khoản 1	
4.4	Theo điểm d khoản 1	
4.5	Theo điểm đ khoản 1	
4.6	Theo điểm g khoản 1	
4.7	Theo điểm h khoản 1	
<b>5</b>	<b>Số chưa có điều kiện thi hành (Điều 44a Luật Thi hành án dân sự)</b>	
5.1	Theo điểm a khoản 1	
5.2	Theo điểm b khoản 1	
5.3	Theo điểm c khoản 1	

....., ngày... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHỊ CỤC TRƯỞNG)**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Biểu số: 05/TK-THA  
Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
ngày 26 tháng 6 năm 2015  
Ngày nhận báo cáo: ...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
**TÍNH BẢNG TIỀN**  
Thu cho Ngân sách nhà nước, tổ chức,  
cá nhân được thi hành án  
.....tháng/năm.....  
Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số	Chia theo đối tượng được thi hành án							Thu cho tổ chức cơ quan, tổ chức	Thu cho cá nhân
		Thu cho Ngân sách nhà nước								
		Chia ra:								
Tổng số	Án phí	Lệ phí	Phạt	Tịch thu	Truy thu	Thu khác	8	9	10	
<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>I Tổng số thụ lý</b>										
1 Năm trước chuyển sang										
2 Mới thụ lý										
<b>II Ủy thác thi hành án</b>										
<b>III Cục THADS rút lên thi hành</b>										
<b>IV Tổng số phải thi hành</b>										
<b>1 Có điều kiện thi hành</b>										
1.1 Thi hành xong										
1.2 Đình chỉ thi hành án										
1.3 Giảm thi hành án										
1.4 Đang thi hành										
1.5 Hoàn thi hành án										
1.6 Tam đình chỉ thi hành án										
1.7 Tam đình thi hành án để giải quyết khiếu nại										
1.8 Trường hợp khác										
<b>2 Chưa có điều kiện thi hành</b>										
<b>7 Tỷ lệ % = (Xong + đình chỉ + giảm)/ Có điều kiện *100%</b>										

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 06/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo: ...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẢNG  
VIỆC CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN  
VÀ CHẤP HÀNH VIỆN**

Đơn vị báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....tháng/năm.....

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý		Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số	Tổng số	Tổng số phải thi hành						Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau	Tỷ lệ: (%) (xong + đình chỉ)/Có điều kiện * 100%	
	Tổng số	Chia ra:					Có điều kiện thi hành									
							Thi hành xong	Đình chỉ thi hành án	Đang thi hành án	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án	Tạm dừng THA để GQKN				Trường hợp khác
<b>A</b>	1	2 3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
<b>Tổng số</b>																
<b>I Cục Thi hành án DS</b>																
1 Chấp hành viên...																
2 Chấp hành viên...																
...																
<b>II Các Chi cục THADS</b>																
<b>1 Chi cục THA...</b>																
1.1 Chấp hành viên...																
1.2 Chấp hành viên...																
...																
<b>2 Chi cục THA...</b>																
2.1 Chấp hành viên...																
2.2 Chấp hành viên...																
...																
<b>3 Chi cục THA...</b>																
...																

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 07/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:...../...../.....

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN****CHIA THEO CƠ QUAN THI HÀNH ÁN****VÀ CHẤP HÀNH VIỆN**

.....tháng/năm.....

Đơn vị báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: 1.000 VN đồng

Tên đơn vị	Tổng số thụ lý			Ủy thác thi hành án	Cục THADS rút lên thi hành	Tổng số	Tổng số phải thi hành						Tỷ lệ: (%) (xong + đình chỉ + giam)/Có điều kiện * 100%					
	Tổng số	Chia ra:					Có điều kiện thi hành							Chưa có điều kiện hành	Tổng số chuyển kỳ sau			
		Năm trước chuyển sang	Mới thụ lý				Đang thi hành	Đình chỉ thi hành án	Giám thi hành án	Đang thi hành	Hoãn thi hành án	Tạm đình chỉ thi hành án				Tạm dừng THA để GQKN	Trường hợp khác	
<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
<b>Tổng số</b>																		
<b>I Cục Thi hành án DS</b>																		
1 Chấp hành viên...																		
2 Chấp hành viên...																		
...																		
<b>II Các Chi cục THADS</b>																		
<b>1 Chi cục THA..</b>																		
1.1 Chấp hành viên...																		
1.2 Chấp hành viên...																		
...																		
<b>2 Chi cục THA..</b>																		
2.1 Chấp hành viên...																		
2.2 Chấp hành viên...																		
...																		
<b>3 Chi cục THA..</b>																		
...																		

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

Biểu số: 08/TK-THA  
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
 ngày 26 tháng 6 năm 2015  
 Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN ĐỀ NGHỊ TÒA ÁN XÉT MIỄN, GIÁM VÀ KẾT QUẢ XÉT MIỄN, GIÁM NGHĨA VỤ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Đơn vị gửi báo cáo.....  
 .....  
 Đơn vị nhận báo cáo.....  
 .....

..... Tháng/năm.....

Đơn vị tính: Việc và 1.000VN đồng

Tên đơn vị	Tổng số việc và số tiền đã đề nghị Tòa án xét miễn, giám nghĩa vụ thi hành án dân sự		Chia ra:									
	Số việc và số tiền đã đề nghị xét miễn, giám hành án dân sự		Số việc và tiền đã đề nghị xét miễn sự và kết quả xét miễn		Số việc và tiền đã đề nghị dân sự và kết quả xét giảm		Số việc và tiền đã đề nghị xét miễn					
	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền				
<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>Tổng số</b>												
<b>I Cục Thi hành án DS</b>												
<b>II Các Chi cục THADS</b>												
1 Chi cục Thi hành án...												
2 Chi cục Thi hành án...												
3 Chi cục Thi hành án...												
...												

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 09/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN,  
QUYẾT ĐỊNH TÒA ÁN TUYÊN KHÔNG RỖ,**

**CÓ SAI SÓT, CƠ QUAN THI HÀNH ÁN**

**ĐÃ YÊU CẦU GIẢI THÍCH, KIẾN NGHỊ**

**VÀ KẾT QUẢ TRẢ LỜI CỦA TÒA ÁN**

**CÓ THẨM QUYỀN**

.....tháng/năm.....

Đơn vị tính Việc và 1.000 VN đồng

Đơn vị gửi báo cáo.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Tên đơn vị	Số việc				Số tiền			Số việc		Số tiền		Số việc		Số tiền	
	Số việc đã đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền		Tổng số tiền đã yêu cầu đính chính, giải thích	Kết quả trả lời của cơ quan có thẩm quyền		Tổng số	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền	Số tiền trong các bản án, quyết định có căn cứ giám đốc thẩm, tái thẩm	Số tiền	Kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền		Số chưa kháng nghị	Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị
		Số đã trả lời chưa rõ	Số trả lời chưa rõ		Số đã trả lời chưa rõ	Số trả lời chưa trả lời					Số đã kháng nghị	Số chưa kháng nghị			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
<b>Tổng số</b>															
<b>I Cục Thi hành án DS</b>															
<b>II Các Chi cục THADS</b>															
1 Chi cục Thi hành án...															
2 Chi cục Thi hành án...															
3 Chi cục Thi hành án...															
... ..															

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 10/TK-THA  
 Đơn vị gửi báo cáo:.....  
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
 Đơn vị nhận báo cáo:.....  
 ngày 26 tháng 6 năm 2015  
 Ngày nhận báo cáo:.....  
 tháng/năm.....  
 Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Tổng số việc	Số việc cường chế có huy động lực lượng				Số việc cường chế không huy động lực lượng				Tổng số việc	Kết quả cường chế			
		Chia ra:				Chia ra:					Chia ra:			
		Số việc cường chế không huy động lực lượng	Số việc cường chế có huy động lực lượng dưới 10 người	Số việc cường chế có huy động lực lượng từ 10 đến dưới 20 người	Số việc cường chế có huy động lực lượng từ 20 đến dưới 50 người	Số việc cường chế có huy động lực lượng từ 50 người trở lên	Số việc cường chế không thành công	Số việc cường chế thành công	Số việc cường chế không thành công		Số việc cường chế thành công			
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10				
<b>Tổng số</b>														
<b>I</b>	<b>Cục Thi hành án DS</b>													
<b>II</b>	<b>Các Chi cục THADS</b>													
1	Chi cục THADS...													
2	Chi cục THADS...													
3	Chi cục THADS...													
...	...													

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, họ tên)

Biểu số: 11/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**KHIẾU NẠI VÀ GIẢI QUYẾT****KHIẾU NẠI TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính: Việc, Đơn

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)		Số việc tiếp nhận (Việc)						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết				Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác				Kết quả giải quyết số việc thuộc thẩm quyền (Việc)				
	Tổng số	Chia ra:	Chia theo thời điểm thụ lý	Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết			
				Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Số KN hành vi và QĐ của Chấp hành viên	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số năm trước chuyển sang	Số mới nhận	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA	Số KN hành vi và QĐ của Thủ trưởng cơ quan THA
<b>A</b>	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
<b>Tổng số</b>																					
<b>I Cục Thi hành án DS</b>																					
<b>II Các Chi cục THADS</b>																					
1 Chi cục THADS...																					
2 Chi cục THADS...																					
...																					

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 12/TK-THA  
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
 ngày 26 tháng 6 năm 2015  
 Ngày nhận báo cáo:.....

**TÓ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT**  
**TÓ CÁO TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Đơn vị gửi báo cáo.....  
 Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Việc và Đơn

Tên đơn vị	Tổng số đơn tiếp nhận (Đơn)		Số việc tiếp nhận (Việc)						Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác				Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác				Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan khác			
	Tổng số đơn tiếp nhận	Số đơn năm trước chuyển sang	Chia ra:		Số việc thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan THADS		Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Chia ra:		Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết		Số định chỉ	Chia ra:		Số cáo đúng toán bộ		Chia ra:		Số cáo đúng toán bộ	
			Số việc năm trước chuyển sang	Số đơn mới nhận	Số việc và quyết định của CHV	Số việc tố cáo hành vi và quyết định của Thủ trưởng cơ quan THA		Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số hướng dẫn và chuyển cơ quan có thẩm quyền khác giải quyết	Số cáo đúng toán bộ	Số cáo đúng toán bộ		Số cáo đúng toán bộ	Số cáo đúng toán bộ						
															Tổng số việc	Số việc mới nhận	Tổng số việc	Số chưa chuyển đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết	Tổng số	Số cáo sai toán bộ
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
<b>Tổng số</b>																				
<b>I</b>																				
<b>II</b>																				
1																				
2																				
3																				
...																				

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**CỤC TRƯỞNG (CHỈ CỤC TRƯỞNG)**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, họ tên)

Biểu số: 13/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ  
VÀ CƠ CẤU CÔNG CHỨC CỦA CƠ QUAN**

**THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị	Số biên chế được giao	Số biên chế đã thực hiện													Số biên chế chưa thực hiện				
		Tổng số	Chia ra:																
			Chấp hành viên trong đó:			Thẩm tra viên trong đó:		Thư ký THA trong đó:		Chuyên viên trong đó:			Cán sự và tương đương	Kế toán		Thống kê viên	Công chức khác		
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12			13			14	15
<b>Tổng số</b>																			
<b>I Cục Thi hành án DS</b>																			
<b>II Các Chi cục THADS</b>																			
1 Chi cục THADS...																			
2 Chi cục THADS...																			
3 Chi cục THADS...																			
...																			

....., ngày..... tháng... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng... năm.....

**CỤC TRƯỞNG**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 14/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**TRÌNH ĐỘ CÔNG CHỨC  
CỦA CƠ QUAN THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính: Người

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo trình độ chuyên môn										Chia theo số được đào tạo, bồi dưỡng về nghề, chính trị, quản lý nhà nước								
		Chia ra:										Quản lý NN trong đó:			Chính trị trong đó:			Tham tra viên	Thư ký	Khác
		Số công chức trên đại học		Số công chức đại học		Số công chức trung cấp		Số công chức khác	CC	CVC	CV	CC	TC	SC						
Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác	Ngành Luật	Ngành khác	9	10								11	12	13	14	15	16
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18		
<b>Tổng cộng</b>																				
<b>I Cục Thi hành án DS</b>																				
<b>II Các Chi cục THADS</b>																				
1 Chi cục THADS...																				
2 Chi cục THADS...																				
3 Chi cục THADS...																				
...																				

....., ngày..... tháng.... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng.... năm.....

**CỤC TRƯỞNG**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 15/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP

ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ CUỘC GIÁM SÁT VÀ KẾT QUẢ**

**THỰC HIỆN KẾT LUẬN GIÁM SÁT**

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

Đơn vị tính: Cuộc giám sát

Tên đơn vị	Tổng số	Chia theo cơ quan tiến hành giám sát			Chia theo kết quả giám sát		Kết quả thực hiện kết luận giám sát			
		Quốc hội	Hội đồng nhân dân	Mặt trận Tổ quốc	Cơ quan khác	Số cuộc giám sát đã có kết luận	Số cuộc giám sát chưa có kết luận	Kết luận đúng và thực hiện	Kết luận đúng một phần, đã thực hiện và giải trình	Giải trình toàn bộ kết luận
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>Tổng cộng</b>										
<b>I Cục Thi hành án dân sự</b>										
<b>II Các Chi cục THADS</b>										
1 Chi cục THADS...										
2 Chi cục THADS...										
3 Chi cục THADS...										
...										

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 16/TK-THA  
 Đơn vị gửi báo cáo.....  
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
 Đơn vị nhận báo cáo.....  
 ngày 26 tháng 6 năm 2015  
 Ngày nhận báo cáo:.....tháng/năm.....

**SỐ CUỘC KIỂM SÁT  
 VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN  
 KIỂM SÁT**

Đơn vị tính: Cuộc kiểm sát

Tên đơn vị	Chia theo cơ quan kiểm sát				Chia theo kết quả kiểm sát			Số có văn bản kiến nghị			
	Chia ra:				Chia ra:						
Tổng số	Viện KSND tối cao	Viện KSND cấp cao	Viện KSND cấp tỉnh	Viện KSND cấp huyện	Số kháng nghị đúng được cơ quan THA chấp nhận	Số kháng nghị không đúng và không được cơ quan THA chấp nhận	Số không kháng nghị				
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
<b>Tổng số</b>											
<b>I Cục Thi hành án DS</b>											
<b>II Các Chi cục THADS</b>											
1 Chi cục THADS..											
2 Chi cục THADS..											
3 Chi cục THADS..											
... ..											

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, họ tên)

Biểu số: 17/TK-THA

Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
ngày 26 tháng 6 năm 2015

Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN TRONG CÁC BẢN ÁN,  
QUYẾT ĐỊNH CÓ KHÁNG NGHỊ VÀ KẾT QUẢ**

**XỬ LÝ KHÁNG NGHỊ**

**CỦA TÒA ÁN VÀ VIỆN KIỂM SÁT**

.....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....

.....

Đơn vị nhận báo cáo.....

.....

Đơn vị tính: Việc và 1.000 VN đồng

Tên đơn vị	Tổng số		Chia ra:													
	Số việc có kháng nghị	Số tiền có kháng nghị	Số việc và số tiền do Tòa án kháng nghị						Số việc và số tiền do Viện kiểm sát kháng nghị							
			Số việc và số tiền có kháng nghị đã được giải quyết			Số việc và số tiền có kháng nghị			Số việc và số tiền có kháng nghị đã được giải quyết			Số việc và số tiền có kháng nghị				
			Chấp nhận toàn bộ	Chấp nhận một phần	Không chấp nhận	Chấp nhận toàn bộ	Chấp nhận một phần	Không chấp nhận	Chấp nhận toàn bộ	Chấp nhận một phần	Không chấp nhận	Chấp nhận toàn bộ	Chấp nhận một phần	Không chấp nhận		
Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	
A	1	2														
<b>Tổng số</b>																
<b>I Cục Thi hành án DS</b>																
<b>II Các Chi cục THADS</b>																
1 Chi cục THADS...																
2 Chi cục THADS...																
3 Chi cục THADS...																
...																

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 18/TK-THA  
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
 ngày 26 tháng 6 năm 2015  
 Ngày nhận báo cáo:.....

**SỐ VIỆC, SỐ TIỀN BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC  
 TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**  
 ....tháng/năm.....

Đơn vị gửi báo cáo.....  
 .....  
 Đơn vị nhận báo cáo.....  
 .....

Đơn vị tính: Việc và 1.000 VN đồng

Tên đơn vị	Số việc và số tiền bồi thường của Nhà nước trong THADS được thụ lý						Kết quả giải quyết			
	Tổng số		Chia ra:				Số việc, số tiền đã xét bồi thường		Số việc, số tiền chưa xét bồi thường	
			Số năm trước chuyển sang	Số thụ lý mới						
Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	Số việc	Số tiền	
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
<b>Tổng số</b>										
<b>I Cục Thi hành án DS</b>										
<b>II Các Chi cục THADS</b>										
1 Chi cục THADS...										
2 Chi cục THADS...										
3 Chi cục THADS...										
...										

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
 (Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**  
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số: 19/TK-THA  
 Ban hành theo TT số: 08/2015/TT-BTP  
 ngày 26 tháng 6 năm 2015  
 Ngày nhận báo cáo:.....  
 Số VIỆC ĐƠN ĐỐC THI HÀNH ÁN HÀNH CHÍNH Đơn vị báo cáo:.....  
 .....tháng/năm.....  
 Đơn vị nhận báo cáo:.....  
 .....

Đơn vị tính: Việc

Tên đơn vị	Số việc phải đơn đốc thi hành án hành chính đã nhận			Kết quả đơn đốc thi hành án hành chính				Số văn bản thông báo kết quả thi hành án nhận được
	Tổng số	Chia ra:		Số việc đã có văn bản đơn đốc	Số việc chưa có văn bản đơn đốc	Số việc hành xong	Số việc chưa hành xong	
		Số việc trước chuyển sang	Số việc mới thụ lý					
A	1	2	3	4	5	6	7	8
<b>Tổng Số</b>								
<b>I Cục Thi hành án dân sự</b>								
<b>II Các Chi cục THADS</b>								
1 Chi cục THADS...								
2 Chi cục THADS...								
3 Chi cục THADS...								
...								

....., ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, họ tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

**CỤC TRƯỞNG (CHI CỤC TRƯỞNG)**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Phụ lục 2<sup>1</sup>****HƯỚNG DẪN GHI CHÉP BIỂU MẪU VÀ CÁCH TÍNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO THỐNG KÊ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ****Phần 1  
GHI CHÉP BIỂU MẪU**

Để đảm bảo số liệu trong báo cáo thống kê phản ánh chính xác, khách quan, đầy đủ và kịp thời hoạt động thi hành án dân sự, Chấp hành viên, các cơ quan Thi hành án dân sự cần tuân thủ một số vấn đề sau:

**I. GIẢI THÍCH MỘT SỐ TỪ NGỮ VÀ CÁCH TÍNH****1. Việc thi hành án dân sự**

- a) Mỗi quyết định thi hành án được tính là một việc;
- b) Mỗi việc thi hành án hành chính có văn bản đôn đốc thi hành được tính là một việc.

**2. Việc cưỡng chế**

Mỗi quyết định cưỡng chế thi hành án được tính là một việc cưỡng chế.

**3. Việc khiếu nại, tố cáo**

Mỗi trường hợp khiếu nại, tố cáo (một hoặc nhiều đơn nhưng trùng lặp nội dung) được thụ lý được tính là một việc khiếu nại, tố cáo.

**4. Cuộc giám sát, kiểm sát**

Mỗi quyết định, thông báo giám sát, kiểm sát của cơ quan có thẩm quyền được tính là một cuộc giám sát, kiểm sát.

5. Đơn vị tính giá trị kết quả thi hành án là 1.000 VN đồng (một nghìn đồng Việt Nam).

Trường hợp một việc thi hành án có một hoặc nhiều tài sản phải tiêu hủy, tài sản không có giá trị hoặc tài sản, việc thi hành án không tính được bằng tiền thì toàn bộ tài sản, việc thi hành đó khi thống kê được tính là 1.000 VN đồng.

**6. Việc bồi thường của Nhà nước**

Mỗi quyết định thụ lý được tính là một việc bồi thường của Nhà nước.

**7. Biên chế, tính bằng người.**

---

<sup>1</sup> Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 08/2015/TT-BTP ngày 26/6/2015 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2013/TT-BTP ngày 03/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn Chế độ báo cáo thống kê thi hành án dân sự.

8. Việc có điều kiện thi hành là trường hợp người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án, gồm: Thi hành xong, đình chỉ thi hành án, đang thi hành án, hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại và trường hợp khác.

9. Việc chưa có điều kiện thi hành là trường hợp Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 44a của Luật Thi hành án dân sự.

Trường hợp việc thi hành án có điều kiện thi hành một phần, phần còn lại chưa có điều kiện thi hành và Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án thì xác định là việc thi hành án chưa có điều kiện thi hành và thống kê là một việc chưa có điều kiện thi hành.

#### 10. Việc thi hành xong

Việc thi hành xong là việc Chấp hành viên đã thi hành xong hoặc đình chỉ thi hành án toàn bộ các quyền, nghĩa vụ trong quyết định thi hành án hoặc những việc đã tổ chức thi hành xong một phần quyền, nghĩa vụ, nhưng phần còn lại đã ủy thác (phần ủy thác này cơ quan Thi hành án dân sự nhận ủy thác ra quyết định thi hành án nên cơ quan thi hành án dân sự nhận ủy thác thống kê là việc thụ lý mới) hoặc giảm thi hành án hoặc đình chỉ thi hành án và đã xóa sổ thụ lý thi hành án.

Trường hợp đối với những việc đã thu được tiền, tài sản, cơ quan Thi hành án dân sự đã báo gọi nhưng người được nhận chưa đến nhận nên đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện theo quy định của pháp luật hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan Thi hành án dân sự đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật thì tính là việc thi hành xong.

#### 11. Tiền thi hành xong

Tiền thi hành xong là số tiền (bao gồm tiền và tài sản được quy đổi thành tiền) Chấp hành viên đã thu được (đã thu, nộp ngân sách và chi trả cho người được thi hành án theo nội dung quyết định thi hành án), đã được đình chỉ thi hành án hoặc được giảm thi hành án.

Trường hợp đối với những khoản tiền, tài sản đã thu được, cơ quan Thi hành án dân sự đã thông báo nhưng người được nhận chưa đến nhận nên đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện theo quy định của pháp luật hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan Thi hành án dân sự đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật thì tính là tiền thi hành xong.

12. Việc trường hợp khác là việc đang trong thời gian tự nguyện thi hành án, việc đang chờ ý kiến chỉ đạo nghiệp vụ của cơ quan có thẩm quyền và việc đang chờ ý kiến của Ban Chỉ đạo thi hành án dân sự.

13. Việc đang thi hành là số việc có điều kiện thi hành và đang tổ chức thi hành án.

14. Đối với thống kê về tiền: Tiền có điều kiện thi hành, tiền chưa có điều kiện thi hành, tiền trường hợp khác, tiền đang thi hành là số tiền tương ứng với từng loại việc thi hành án đó.

## **II. GHI CHÉP**

### **1. Biểu mẫu số 01/TK-THA**

#### **1.1. Nội dung**

Phản ánh kết quả thi hành án về việc thuộc diện chủ động thi hành án dân sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

#### **1.2. Tổ chức, cá nhân thực hiện biểu mẫu**

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

#### **1.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

##### **a) Đối với các biểu mẫu do Chấp hành viên lập**

Biểu mẫu do Chấp hành viên lập số liệu được tổng hợp từ các loại sổ sách về thi hành án và các tài liệu trong hồ sơ thi hành án như: quyết định thi hành án và các loại quyết định khác về thi hành án; các loại biên bản... và các tài liệu khác trong hồ sơ thi hành án.

##### **b) Đối với biểu mẫu do Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự lập**

Biểu mẫu do Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự lập số liệu tổng hợp từ các báo cáo của Chấp hành viên thuộc đơn vị mình.

Biểu mẫu do Cục Thi hành án dân sự lập để báo cáo kết quả thi hành án của toàn tỉnh được tổng hợp từ biểu mẫu của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

##### **c) Ghi chép**

Đối với việc ủy thác thi hành án, chỉ thống kê đối với việc đã ra quyết định ủy thác thi hành án toàn bộ nội dung quyết định thi hành án và không thuộc trường hợp thi hành xong.

Chỉ tiêu số việc Cục Thi hành án dân sự rút lên thi hành chỉ dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự báo cáo (Cục Thi hành án dân sự không thống kê cột này vì đã thống kê vào sổ thụ lý mới, mặc dù Cục Thi hành án dân sự không ra quyết định thi hành án).

##### **• Cách tính trang 1**

Theo cột: Cột số 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12. Trong đó, Cột 3 = Cột 4 + Cột 5.

Theo dòng: Tổng số thụ lý = Số năm trước chuyển sang + Số thụ lý mới.

Tổng số phải thi hành = Số có điều kiện thi hành + Số chưa có điều kiện thi hành.

Số có điều kiện thi hành = Số thi hành xong + Số đình chỉ thi hành án + Số đang thi hành + Số hoãn thi hành án + Số tạm đình chỉ thi hành án + Số tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại + Số trường hợp khác.

- Cách tính trang 2

Trên cơ sở số liệu hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành tại trang 1, phân tích làm rõ theo những căn cứ được Luật Thi hành án dân sự quy định. Cụ thể:

- Số hoãn thi hành án (Điều 48) = Số hoãn theo điểm a khoản 1 + Số hoãn theo điểm b khoản 1 + Số hoãn theo điểm d khoản 1 + Số hoãn theo điểm đ khoản 1 + Số hoãn theo điểm e khoản 1 + Số hoãn theo điểm g khoản 1.

- Cách phân tích số liệu tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành thực hiện tương tự như phân tích số liệu hoãn thi hành án.

## 2. Biểu mẫu số 02/TK-THA

### 2.1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án về việc thuộc diện thi hành án theo đơn yêu cầu của đương sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng tỉnh.

### 2.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### 2.3. Ghi chép và nguồn số liệu

Việc ghi chép, tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 01/TK-THA.

- Cách tính trang 1

Theo cột: Cột số 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13. Trong đó, Cột 3 = Cột 4 + Cột 5.

Theo dòng: Tổng số thụ lý = Số năm trước chuyển sang + Số thụ lý mới.

Tổng số phải thi hành = Số có điều kiện thi hành + Số chưa có điều kiện thi hành.

Số có điều kiện thi hành = Số thi hành xong + Số đình chỉ thi hành án + Số đang thi hành + Số hoãn thi hành án + Số tạm đình chỉ thi hành án + Số tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại + Số trường hợp khác.

- Cách tính trang 2

Trên cơ sở số liệu hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành tại trang 1, phân tích làm rõ theo những căn cứ được Luật Thi hành án dân sự quy định. Cụ thể:

- Số hoãn thi hành án = Số hoãn theo điểm a khoản 1 + Số hoãn theo điểm b khoản 1 + Số hoãn theo điểm c khoản 1 + Số hoãn theo điểm d khoản 1 + Số hoãn theo điểm đ khoản 1 + Số hoãn theo điểm e khoản 1 + Số hoãn theo điểm g khoản 1 + Số hoãn theo điểm h khoản 1.

Các số liệu tạm đình chỉ thi hành án, trường hợp khác, đình chỉ thi hành án, chưa có điều kiện thi hành cách tính tương tự như phân tích số liệu hoãn thi hành án.

### **3. Biểu mẫu số 03/TK-THA**

#### **3.1. Nội dung**

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền thuộc diện chủ động thi hành án dân sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

#### **3.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

#### **3.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 01/TK-THA. Riêng: Số có điều kiện thi hành = Số thi hành xong + Số đình chỉ thi hành án + Số giảm thi hành án + Số đang thi hành + Số hoãn thi hành án + Số tạm đình chỉ thi hành án + Số tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại + Số trường hợp khác.

### **4. Biểu mẫu số 04/TK-THA**

#### **4.1. Nội dung**

Phản ánh số kết quả thi hành án về tiền thuộc diện thi hành án theo đơn yêu cầu của đương sự trong kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

#### **4.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

#### **4.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 02/TK-THA.

## **5. Biểu mẫu số 05/TK-THA**

### **5.1. Nội dung**

Phản ánh kết quả thi hành các khoản thu về tiền cho Ngân sách nhà nước, cho cơ quan, tổ chức và cá nhân trong từng kỳ báo cáo của Chấp hành viên, của Chi cục Thi hành án dân sự, của Cục Thi hành án dân sự và của từng đơn vị cấp tỉnh.

### **5.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng**

Biểu này được sử dụng cho Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **5.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 03/TK-THA.

Riêng, cách tính theo cột: Cột 1 = Cột 2 + Cột 9 + Cột 10. Trong đó Cột 2 = Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8.

## **6. Biểu mẫu số 06/TK-THA**

### **6.1. Nội dung**

Phản ánh kết quả thi hành án về việc theo Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

### **6.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **6.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

#### a) Đối với Chi cục thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng Chấp hành viên tại cột tên Chấp hành viên.

#### b) Đối với Cục Thi hành án dân sự

Biểu mẫu của Cục Thi hành án dân sự số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả thi hành án dân sự về việc của Chấp hành viên thuộc Cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng Chấp hành viên tại cột tên Chấp hành viên.

Biểu mẫu của toàn tỉnh số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu thống kê kết quả về việc của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi được thực hiện theo từng đơn vị thi hành án và chấp hành viên, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự, lần lượt cho đến hết.

#### c) Ghi chép

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 01/TK-THA. Riêng: Cách tính theo cột:

$$\text{Cột 1} = \text{Cột 2} + \text{Cột 3}.$$

$$\text{Cột 6} = \text{Cột 7} + \text{Cột 15}.$$

Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11+ Cột 12 + Cột 13 + Cột 14.

Cách tính theo dòng:

Tổng số việc = Việc Cục Thi hành án dân sự + Việc các Chi cục Thi hành án dân sự.

Việc Cục Thi hành án dân sự = Việc của Chấp hành viên A + Việc của Chấp hành viên B +....

Việc các Chi Cục Thi hành án dân sự = Việc của Chi cục A + Việc của Chi cục B +....

Việc Chi cục Thi hành án dân sự = Việc của Chấp hành viên A + Việc của Chấp hành viên B +....

## **7. Biểu mẫu số 07/TK-THA**

### **7.1. Nội dung**

Phản ánh kết quả thi hành án về tiền theo Chấp hành viên, Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

### **7.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **7.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Việc ghi chép và tổng hợp số liệu được thực hiện tương tự Biểu mẫu số: 06/TK-THA. Riêng: Cách tính theo cột:

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3.

Cột 6 = Cột 7 + Cột 16.

Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11+ Cột 12 + Cột 13 + Cột 14 + Cột 15.

Cách tính tỷ lệ thi hành xong như Biểu mẫu số: 03-TK/THA.

## **8. Biểu mẫu số 08/TK-THA**

### **8.1. Nội dung**

Phản ánh việc đề nghị xét miễn, giảm và kết quả việc xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự và từng địa phương trong các kỳ báo cáo.

### **8.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng**

Biểu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **8.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

a) Đối với Chi cục Thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên thuộc Chi cục Thi hành án dân sự và các loại sổ có liên quan. Số liệu ghi số tổng hợp chung của toàn đơn vị, không ghi chép theo từng Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên Cục Thi hành án dân sự và các loại sổ có liên quan. Số liệu ghi số tổng hợp chung của toàn đơn vị, không ghi chép theo từng Chấp hành viên.

Đối với Biểu mẫu của toàn tỉnh số liệu được tổng hợp từ Biểu mẫu của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

c) Ghi chép

Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt theo từng đơn vị, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến các Chi cục Thi hành án dân sự.

Đối với Chi cục Thi hành án dân sự chỉ ghi số chung của Chi cục mà không phải tổng hợp theo từng Chấp hành viên.

Cột 1 = Cột 5 + Cột 9; Cột 2 = Cột 6 + Cột 10; Cột 3 = Cột 7 + Cột 11; Cột 4 = Cột 8 + Cột 12.

## **9. Biểu mẫu số 09/TK-THA**

### **9.1. Nội dung**

Phản ánh số lượng bản án, quyết định của Tòa án tuyên không rõ, có sai sót; bản án, quyết định có căn cứ kháng nghị giám đốc thẩm, tái thẩm; số lượng văn bản đề nghị giải thích, đính chính, kiến nghị xem xét bản án, quyết định của cơ quan Thi hành án và việc trả lời của Tòa án có thẩm quyền.

### **9.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu này được dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **9.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên và các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán, Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4; Cột 5 = Cột 6 = Cột 7 + Cột 8; Cột 9 = Cột 10 + Cột 11; Cột 12 = Cột 13 + Cột 14.

## **10. Biểu mẫu số 10/TK-THA**

### **10.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình cưỡng chế thi hành án dân sự không huy động lực lượng và có huy động lực lượng tại các Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

## **10.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

## **10.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được tổng hợp từ Hồ sơ thi hành án của Chấp hành viên và các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10; Cột 3 = Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7.

## **11. Biểu số 11/TK-THA**

### **11.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình khiếu nại và giải quyết khiếu nại về thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự.

### **11.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **11.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết khiếu nại, các sổ có liên quan đến việc giải quyết khiếu nại của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

Việc ghi chép, thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6 = Cột 7 + Cột 10; Cột 14 = Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18 + Cột 19.

## **12. Biểu mẫu số 12/TK-THA**

### **12.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình tố cáo và giải quyết tố cáo về thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự, Cục Thi hành án dân sự.

### **12.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **12.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ giải quyết tố cáo, các sổ liên quan đến việc giải quyết tố cáo của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

Việc ghi chép, thực hiện tương tự Biểu mẫu số 08/TK-THA. Riêng việc tính toán: Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6; Cột 7 = Cột 8 + Cột 9; Cột 10 = Cột 11 + Cột 12 + Cột 13; Cột 14 = Cột 15 + Cột 16 + Cột 17 + Cột 18 + Cột 19.

### **13. Biểu mẫu số 13/TK-THA**

#### **13.1. Nội dung**

Phản ánh số lượng biên chế, tình hình thực hiện biên chế; cơ cấu công chức theo ngạch, bậc đang làm việc tại cơ quan thi hành án dân sự trong các kỳ báo cáo.

#### **13.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu này dùng cho Cục Thi hành án dân sự.

#### **13.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được lấy từ sổ, hồ sơ về cán bộ, công chức tại Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến Chi cục Thi hành án dân sự.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 18; Cột 2 = Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11 + Cột 12 + Cột 13 + Cột 14 + Cột 15 + Cột 16 + Cột 17.

### **14. Biểu mẫu số 14/TK-THA**

#### **14.1. Nội dung**

Phản ánh trình độ công chức của cơ quan Thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo theo trình độ chuyên môn, nghề nghiệp được đào tạo.

#### **14.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Cục Thi hành án dân sự.

#### **14.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được lấy từ sổ, hồ sơ về cán bộ, công chức tại Cục Thi hành án dân sự, Chi cục Thi hành án dân sự. Trình tự ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự đến Chi cục Thi hành án dân sự.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 + Cột 6 + Cột 7 + Cột 8.

### **15. Biểu mẫu số 15/TK-THA**

#### **15.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền và kết quả thực hiện kết luận giám sát trong thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo.

#### **15.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

#### **15.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

a) Đối với Chi cục Thi hành án dân sự, số liệu được tổng hợp từ các tài liệu liên quan đến giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm

quyền trong kỳ báo cáo đối với Chi cục Thi hành án dân sự. Việc ghi chép thực hiện theo sổ chung cho toàn đơn vị, không ghi theo từng Chấp hành viên.

b) Đối với Cục Thi hành án dân sự, số liệu trong Biểu mẫu của Cục Thi hành án dân sự được tổng hợp từ các tài liệu liên quan đến giám sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền trong kỳ báo cáo đối với Cục Thi hành án dân sự. Việc ghi chép theo sổ chung cho toàn đơn vị, không ghi theo từng Chấp hành viên.

Số liệu của toàn tỉnh được tổng hợp từ báo cáo của Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

#### c) Ghi chép

Việc ghi chép được thực hiện lần lượt, bắt đầu từ Cục Thi hành án dân sự, đến các Chi cục Thi hành án dân sự. Đối với các Chi cục Thi hành án dân sự chỉ ghi số chung của Chi cục mà không tổng hợp theo từng Chấp hành viên.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4 + Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 = Cột 8 + Cột 9 + Cột 10.

### **16. Biểu số 16/TK-THA**

#### **16.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự của các cơ quan có thẩm quyền trong thi hành án dân sự tại các kỳ báo cáo.

#### **16.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng số liệu**

Biểu này dùng Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

#### **16.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được tổng hợp từ các tài liệu có liên quan đến kiểm sát hoạt động thi hành án dân sự.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3 + Cột 4; Cột 5 = Cột 6 + Cột 7 + Cột 8 + Cột 9 + Cột 10 + Cột 11.

### **17. Biểu số 17/TK-THA**

#### **17.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình kháng nghị và xử lý kháng nghị của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân đối với bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật.

#### **17.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

#### **17.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được tổng hợp từ hồ sơ thi hành án, các loại sổ có liên quan.

Việc ghi chép thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 3 + Cột 11; Cột 2 = Cột 4 + Cột 12.

## **18. Biểu mẫu số 18/TK-THA**

### **18.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình thực hiện bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự tại mỗi kỳ báo cáo.

### **18.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **18.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được lấy từ hồ sơ thi hành án, hồ sơ bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự, sổ theo dõi về bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự.

Việc ghi chép được thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 3 + Cột 5 = Cột 7 + Cột 9; Cột 2 = Cột 4 + Cột 6 = Cột 8 + Cột 10.

## **19. Biểu số 19/TK-THA**

### **19.1. Nội dung**

Phản ánh tình hình đơn đốc việc thi hành các bản án, quyết định hành chính đối với các cơ quan có thẩm quyền thi hành bản án, quyết định hành chính trong mỗi kỳ báo cáo.

### **19.2. Tổ chức, cá nhân sử dụng biểu mẫu**

Biểu mẫu này dùng cho Chi cục Thi hành án dân sự và Cục Thi hành án dân sự.

### **19.3. Ghi chép và nguồn số liệu**

Số liệu được tổng hợp từ sổ sách theo dõi việc đơn đốc thi hành án hành chính.

Việc ghi chép thực hiện tương tự Biểu mẫu số 15/TK-THA.

Cột 1 = Cột 2 + Cột 3; Cột 4 = Cột 5 + Cột 6.

## **Phần 2**

### **CÁCH TÍNH MỘT SỐ CHỈ TIÊU**

#### **1. Chỉ tiêu tính: (Việc thi hành xong)/(Số có điều kiện thi hành)**

$$\text{Tỷ lệ \% thi hành xong} = \frac{\text{Số thi hành xong} + \text{Số đình chỉ thi hành án}}{\text{Số có điều kiện thi hành}} \times 100\%$$

**2. Chỉ tiêu tính: (Tiền thi hành xong)/(Số có điều kiện thi hành)**

$$\text{Tỷ lệ \% thi hành xong} = \frac{\text{Số thi hành xong} + \text{Số đình chỉ thi hành án} + \text{Số giảm thi hành án}}{\text{Số có điều kiện thi hành}} \times 100\%$$

**3. Chỉ tiêu giảm số việc, tiền chuyển kỳ sau**

$$\text{Tỷ lệ \% giảm} = \frac{\text{Số chuyển kỳ sau của năm hiện tại} - \text{Số chuyển kỳ sau của năm trước liền kề}}{\text{Số chuyển kỳ sau của năm trước liền kề}} \times 100\%$$

Trường hợp số dương (+) là tăng tồn, trường hợp số âm (-) là giảm tồn. Chú ý, số chuyển kỳ sau trong báo cáo của năm trước bao giờ cũng phải trùng khớp với số năm cũ chuyển sang trong báo cáo của năm hiện tại./.

---

---

## VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại liên hệ:  
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517  
- Phát hành: 080.48543  
Email: [congbao@chinhphu.vn](mailto:congbao@chinhphu.vn)  
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>  
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng